

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172 /2023/HS-PT
Ngày 26-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hà Giang;
2. Ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 178/TLPT-HS ngày 01/6/2023 đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1997, tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: không; nơi đăng ký ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971; vợ: Hà Thị T1, sinh năm 1995; bị cáo có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến nay. Hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T:

- Bà Ong Thị T2 và bà Ngô Thị T3 - Luật sư Văn phòng luật sư Vũ Anh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, địa chỉ số D, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Ông Phạm Thế V1 và ông Trần Xuân K - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư H2, địa chỉ số C, M, quận C, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Luyện Thị T4, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Anh Hoàng Hữu D, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

- Chị Luyện Thị T4, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Anh Hoàng Hữu D, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Anh Hoàng Tiên M, sinh năm 1990; địa chỉ số nhà B, đường L, phường H, thành phố B, vắng mặt.

- Anh Triệu Văn N, sinh năm 1999; HKTT xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 16/10/2021, tại phòng tầng 4 cơ sở karaoke P2 thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do Trần Văn T, sinh năm 1997, ở thôn P, xã T, huyện Y làm quản lý. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh B phối hợp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang: Nguyễn Văn T5, sinh năm 1993; Nguyễn Văn T6, sinh năm 1995; Nguyễn Trí Q, sinh năm 1997 đều ở cùng thôn B, xã Y, huyện Y; Trần Tuấn A, sinh 1997 ở Tiểu khu C, thị trấn N, Y, Bắc Giang; Phùng Mùi C, sinh năm 2002, ở xóm L, xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Hoàng Mùi C1, sinh năm 2004, ở xóm N, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Giàng Thị P, sinh năm 2002, ở thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ:

- Thu giữ trên mặt đĩa sứ màu trắng chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) sau đó cho vào túi nilon màu trắng có rãnh khóa viền kẻ màu đỏ, niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT1”;

- Thu giữ trên nền nhà chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) sau đó cho vào túi nilon màu trắng có rãnh khóa viền kẻ màu đỏ, niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT2”;

- 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn có đường kính 23 cm; 01 ống hút bằng tờ tiền pholime mệnh giá 10.000 đồng được quấn ngoài bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 loa xách tay màu đen nhãn hiệu harman/kardon; 01 đèn chiếu màu trắng và 01 đèn laze màu đen; 01 thẻ nhân viên tư vấn bảo hiểm màu trắng có tên Trần Văn K1

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Văn T5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng đã qua sử dụng của Hoàng M1 Chuống; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng có, ốp ngoài màu bạc của Phùng Mùi Coi; 01 điện thoại di động Iphone Xs max, màu hồng của Giàng Thị P; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng có ốp màu xanh đậm của Nguyễn Văn T6; 01 điện thoại Iphone màu vàng - đồng của Trần Tuấn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của Nguyễn Trí Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1102 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen của Trần Văn T.

Tiến hành test nhanh chất ma túy qua nước tiểu của Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Trí Q, Phùng Mùi C, Hoàng Mùi C đều cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Đối với Trần Tuấn A và Giàng Thị P đều khai có cùng các đối tượng T6, T5, Q, C, C1 sử dụng ma túy; Tuấn A khai, ngay sau khi sử dụng Tuấn A đã "xì" ra nên test nhanh ma túy cho kết quả âm tính, còn Giàng Thị P khai khi bị bắt quả tang thì vừa sử dụng ma túy xong chưa đủ thời gian bài tiết, nên khi test nhanh ma túy cho kết quả âm tính.

Cùng ngày 16/10/2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra quyết định trưng cầu giám định gửi đến Phòng K2 Công an tỉnh B để giám định khối lượng, các chất thu giữ khi bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 1658/KL-KTHS, ngày 20 tháng 10 năm 2021 của phòng K2 - Công an tỉnh B kết luận:

“Trong (01) một phong bì niêm phong gửi giám định có ký hiệu “QT1” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là **ma túy, có khối lượng 0,024 gam, loại Ketamin.**

Trong (01) một phong bì niêm phong gửi giám định có ký hiệu “QT2” đã được niêm phong gửi giám định:

- Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là **ma túy, có khối lượng 0,101 gam, loại Ketamin.”.**

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn T; Trần Tuấn A; Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Trí Q đều khai nhận:

Cơ sở P2 thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là của Luyện Thị T4, sinh năm 1987, ở thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thuê để kinh doanh. Do có quen biết với Trần Văn T, sinh năm 1997, ở thôn P, xã T, huyện Y từ trước, nên chị T4 có thuê T làm quản lý, phục vụ khách khi đến thuê phòng hát và trông coi quán từ khoảng đầu tháng 10/2021.

Buổi tối ngày 15/10/2021, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Trí Q đi hát karaoke cùng một số bạn tại quán R ở tổ dân phố C, thị trấn N, huyện Y. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đang hát thì T6 và Q cùng rủ nhau mua ma túy để thuê phòng sử dụng (thường gọi là "bay sập"). Sau khi thống nhất xong, T6 rủ Phùng Mùi C, sinh năm 2002, ở xóm L, xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Q rủ Hoàng Mùi C1, sinh năm 2004, ở xóm N, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng là 02 nhân viên nữ khi đó đang phục vụ cho nhóm của T6 và Q tại quán R đi cùng để sử dụng ma túy thì C và C1 đồng ý. Sau đó Q nhắn tin qua ứng dụng facebook messenger cho Nguyễn Văn T5 ở cùng thôn để rủ T5 cùng tham gia sử dụng ma túy và bảo T5 thuê phòng và tìm mua ma túy và đến đón nhóm của Q để cùng nhau đi sử dụng ma túy thì T5 đồng ý. Khoảng 20 phút sau, T5 đi xe ô tô taxi đến thị trấn N, huyện Y đón T6, Q, C, C1. Sau khi gặp nhau, T5 điện thoại cho Trần Tuấn A, sinh năm 1997, ở tổ dân phố C, thị trấn N, huyện Y, là người quen biết từ trước với T5 bảo Tuấn A đặt phòng, tìm mua ma túy tổng hợp (02 viên loại "kẹo") và 01 chỉ "ke" loại ma túy ketamine và gọi 01 nhân viên nữ đến phục vụ T5 sử dụng ma túy thì Tuấn A đồng ý.

Sau đó Tuấn A đặt phòng tại Cơ sở P2 thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và bảo T5 thanh toán tiền mua ma túy là 2.300.000đ cho Tuấn A qua tài khoản 0355413567 ngân hàng M2 tên Giáp Thị X, thì T5 bảo Nguyễn Trí Q chuyển tiền cho Tuấn A qua tài khoản trên, thì được Q đồng ý và chuyển 2.300.000 vào số tài khoản 0355413567 ngân hàng M2 tên Giáp Thị X để trả tiền mua ma túy.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T5, T6, Q, C, C1 đi đến quán K3 ở thôn Đ, xã C, huyện Y để thuê phòng "bay sập". Khi đến quán thì gặp Trần Văn T, do đã được đặt phòng trước đó, nên T dẫn nhóm của T5 đi lên phòng hát tầng 2 của quán, thì nhóm của T5 yêu cầu đổi phòng để "bay sập". Biết nhóm của T5 đến thuê phòng để sử dụng ma túy, T không ngăn cản, khi mà cơ sở đang do mình quản lý mà đưa cả nhóm lên phòng nghỉ tầng 4 của quán để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 15 phút sau thì Tuấn A mang ma túy và đưa 01 nhân viên nữ tên H1 (không xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ) đến quán, lên phòng D. Khi vào phòng, Tuấn A bỏ 02 viên ma túy tổng hợp và 01 chỉ Ketamin ra bàn, T5 lấy 02 viên ma túy gọi là "kẹo" pha vào 02 cốc nước C để mọi người cùng uống. Tiếp đó, T5 đưa 01 thẻ nhựa cứng cho Tuấn A và bảo Tuấn A "xào ke" cho nhóm của T5 sử dụng, thấy vậy, nhân viên nữ tên H1 chủ động lấy đĩa sứ có sẵn, đem hơi nóng để Tuấn A "xào ke". Tuấn A đổ ma túy ketamine ra đĩa, dùng thẻ nhựa đảo đi đảo lại cho mịn rồi chia thành từng đường chỉ nhỏ, thẳng và lần lượt Tuấn A, T5, T6, Q, C1, C và H1 cùng sử dụng bằng cách dùng ống hút được quán từ một tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ để hít bằng mũi. Khi dùng hết số ma túy ketamine trên thì T6 và C, Q và C1 ôm nhau nằm trên 02 giường trong phòng nghe nhạc, còn T5 thì bảo Tuấn A mua tiếp cho T5 01 chỉ ketamine và yêu cầu đổi nhân viên phục vụ khác. Tuấn A bảo T5 chuyển số tiền 1.700.000đ vào số tài khoản 0355413567 ngân hàng M2 tên Giáp Thị X để trả tiền ma túy, sau khi T5 chuyển tiền xong thì Tuấn A cùng H1 đi khỏi quán. Khoảng 20 phút sau, thì Tuấn A cùng Giàng Thị P, sinh năm 2002, ở thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai đi đến quán K3, khi thấy Tuấn A quay lại, biết Tuấn A đã mua thêm được ma túy, nên T5 chủ động lấy đĩa sứ hơi nóng để Tuấn A đổ ma túy ketamine vừa mua được ra để "xào ke", sau đó, T5, T6, Q, C, C1 và P cùng nhau sử dụng ma túy.

Và đến hồi 01 giờ 30 phút ngày 16/10/2021, khi T5, T6, Q, Tuấn A, C, C1 và P đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh B phối hợp cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện đến bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Trong vụ án này, đối với Luyện Thị T4 là chủ quán karaoke P1 và Hoàng Hữu D tối ngày 15/10/2021 có mặt tại quán, T4 khai chỉ thuê T làm quản lý, phục vụ khách khi đến thuê phòng hát, việc T cho khách thuê phòng để sử dụng ma túy T4 không biết, không chỉ đạo T. Hoàng Hữu D chỉ biết nhóm của T5 đến thuê phòng để hát, việc T đưa khách lên phòng 4 để "bay sập" D không biết. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T với Luyện Thị T4 và Hoàng Hữu

D nhưng không có kết quả, ngoài lời khai không có các chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với số ma túy, Tuấn A mang đến quán Phantom cho nhóm của T5 sử dụng, Tuấn A khai mua của người đàn ông không quen biết ở đường P, thuộc thị trấn N, huyện Y, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với số tài khoản 0355413567 ngân hàng M2 mang tên Giáp Thị X, qua điều tra xác định, chủ tài khoản là Giáp Thị X, sinh năm 1999, ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tài khoản này là chị X đã cho em chồng là Nông Thị L, sinh năm 1999, ở thôn T, xã T, huyện L mượn chứng minh thư nhân dân để mở tài khoản, hiện chị L đang sử dụng số tài khoản trên. Do có mối quan hệ quen biết với Tuấn A, nên ngày 15/10/2021, Tuấn A có bảo L cho nhờ chuyển tiền của Tuấn A vào tài khoản. Bản thân L không biết số tiền được chuyển đến tài khoản của mình là tiền mua ma túy, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ngày 04/5/2022, L đã nộp về Cơ quan điều tra 4.000.000 đồng.

Đối với chiếc thẻ nhựa cứng các đối tượng dùng để "xào ke", qua điều tra xác định thẻ mang tên Trần Văn K1, sinh năm 1988 ở tổ dân phố P, thị trấn N, huyện Y là thẻ tư vấn tài chính bảo hiểm của công ty B1 cấp cho anh K1 tháng 2/2021, sau đó anh kiên bị mất thẻ từ tháng 6/2021. Việc các đối tượng nhặt được và dùng trong việc sử dụng ma túy anh K1 không biết.

Đối với nhân viên nữ tên H1, do Tuấn A khai không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của H1, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Trí Q, Phùng Mùi C, Hoàng Mùi C, Giàng Thị P và Trần Tuấn A đã bị Công an huyện Y xử lý hành chính.

Vật chứng gồm: Số ma túy được hoàn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn có đường kính 23 cm; 01 ống hút bằng tờ tiền VNĐ 10.000 đồng được quấn ngoài bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 loa xách tay màu đen nhãn hiệu harman/kardon; 01 đèn chiếu màu trắng và 01 đèn laze màu đen; 01 thẻ nhân viên tư vấn bảo hiểm màu trắng có tên Trần Văn K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Văn T5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng của Hoàng M1 Chuống; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng có, ốp ngoài màu bạc của Phùng Mùi C; 01 điện thoại di động Iphone Xs max, màu hồng của Giàng Thị P; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng có ốp màu xanh đậm của Nguyễn Văn T6; 01 điện thoại Iphone màu vàng - đồng của Trần Tuấn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của Nguyễn Trí Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1102 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, có ốp

điện thoại màu xanh thẫm của Trần Văn T và số tiền 4.000.000 đồng được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Trần Tuấn A, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Trí Q và Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT - VKSYD ngày 15/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Trí Q truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian tù tính từ ngày 16/10/2021.

Và xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt các bị cáo: Trần Tuấn A, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Trí Q về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo này không kháng cáo nên phần quyết định đối với các bị cáo về tội này đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2023, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là quá nặng, chưa đúng người, đúng tội, bỏ lọt tội phạm và oan sai.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Trong quá trình điều tra và truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xem xét, hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, cụ thể: Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với chủ quán Luyện Thị T4 và Hoàng Hữu D.

Lời khai của chủ quán T4 và T thống nhất về việc T mới đến quán làm được 2-3 ngày. Trong thời gian này quán karaoke đang bị cấm hoạt động do

dịch Covid 19 nên từ ngày T đến làm thì đây là lần đầu tiên do T phục vụ nhóm, trước đó T chưa bao giờ gặp nhóm khách này tại quán và ngược lại. Vì vậy, không có cơ sở để xác định T tự ý cho khách sử dụng ma túy ở phòng của quán P3

Tuy nhiên, kết luận điều tra, kết luận điều tra bổ sung và Cáo trạng đã ban hành chỉ kết tội bị cáo T trên cơ sở lời khai một chiều như trên của T, của D, đồng thời kết luận Luyện Thị T4, Hoàng Hữu D vô can trong vụ án này. Theo đó, chỉ có bị cáo T phạm tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” là hoàn toàn không phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra chưa làm rõ: Trong thời gian 3 ngày làm việc, quán PhanTom đã tiếp nhận khách và việc thu tiền của khách như thế nào? Khi T làm việc tại quán đều có mặt D; chưa làm rõ ai là người đã trang bị đèn led, loa đài phòng sập để sử dụng ma túy để đánh giá ai mới là người chủ mưu xây dựng, tạo lập phòng sập có các chức năng nghe nhạc, nghỉ ngơi cho người sử dụng ma túy (*thu hút khách sử dụng ma túy đến thuê phòng*) cũng như có ý nghĩa rất lớn trong việc chứng minh hành vi của bị cáo T7 có đủ cấu thành tội phạm không hoặc có thì vai trò của bị cáo T trong vụ án này như thế nào.

Tuy nhiên, toàn bộ quá trình điều tra vụ án, vấn đề này vẫn để ngỏ, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng không thu thập các tài liệu, chứng cứ, lời khai của những người có liên quan để làm rõ, thể hiện sự cố tình bỏ qua, bỏ lọt tội phạm nên đề nghị HĐXX:

- Căn cứ Điều 13 và Điều 15 BLTTHS tuyên bị cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, trả tự do cho bị cáo tại phiên toà.

- Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo Trần Văn T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” chuyển hồ sơ vụ án cho VKSND tỉnh Bắc Giang để điều tra lại.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân

huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo Trần Văn T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi của bị cáo bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”. HĐXX thấy: Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì vụ án có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Cụ thể:

[2.1]. Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình điều tra chưa thu thập sổ sách thanh toán, các cuộc gọi đến, gọi đi trong các ngày từ 13 đến ngày 16/10/2021 của quán K3, của Hoàng Hữu D và của Trần Văn T để làm rõ vị trí, vai trò của Luyện Thị T4, Hoàng Hữu D và Trần Văn T. Trên cơ sở đó để xác định ai là người quản lý các hoạt động của quán K3.

Việc Trần Văn T đến làm việc tại quán K3 các bên có giao kết hợp đồng lao động không, quyền và nghĩa vụ được xác định như thế nào. Trên cơ sở đó để xác định nhiệm vụ, công việc của T được Luyện Thị T4 hay Hoàng Hữu D giao như thế nào. Khi làm việc tại quán K3, Trần Văn T có được tự ý đứng ra tiếp nhận khách đến thuê phòng, thuê dịch vụ chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy hay không hay đóng vai trò gì đối với việc để cho nhóm của Trần Tuấn A tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm nêu trên.

Trong quá trình điều tra chưa làm rõ ai là người đã trang bị đèn led, loa đài phòng sập để sử dụng ma túy để xem xét, đánh giá ai mới là người đã xây dựng, tạo lập phòng sập có các chức năng nghe nhạc, nghỉ ngơi cho người sử dụng ma túy (*thu hút khách sử dụng ma túy đến thuê phòng*) cũng việc chứng minh hành vi của bị cáo T7 có đủ cấu thành tội phạm hay không, nếu có thì vai trò của bị cáo T trong vụ án này như thế nào hay hành vi của bị cáo có dấu hiệu cấu thành tội khác theo quy định của Bộ luật hình sự.

Việc các đối tượng Trần Tuấn A đến thuê phòng thông qua hình thức nào, ai tiếp nhận đặt phòng, ai thu tiền, tại thời điểm các đối tượng Trần Tuấn A đến thuê phòng có những ai có mặt; khi kiểm tra T có mặt trong phòng các đối tượng sử dụng ma túy hay không?

Tại bút lục số 181 thể hiện: Hoàng Hữu D có mặt lúc 23 giờ 03' tại quầy ba nhưng cơ quan điều tra không thu thập việc T4, D có theo dõi camera các phòng không. Đến 0 giờ 06' D, T và Tuấn A nói chuyện nhưng khi lập biên bản kiểm tra vào hồi 1 giờ 00' lại không thể hiện có mặt Hoàng Hữu D.

[2.2]. Ngoài ra trong quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm còn có vi phạm, thiếu sót sau:

Các biên bản có việc tẩy xóa, sửa chữa: Tại biên bản kiểm tra hành chính chữa thời gian và địa điểm (bút lục số 97); các biên bản xét nghiệm nhanh chất ma túy, biên bản niêm phong que thử nhanh ma túy sửa chữa thời gian (bút lục số 109, 111, 113, 114, 115, 116, 117, 122) và biên bản làm việc (bút lục số 156 nhưng không thể hiện có xác nhận bằng chữ ký của những người mà họ phải ký vào biên bản theo quy định tại Điều 102 BLTTHS.

Trong quá trình kiểm tra cơ sở kinh doanh quán K3 do Luyện Thị T4 thuê của anh Hoàng Tiến M không tiến hành lập biên bản đối với Hoàng Hữu D, thu thập Camera của quán Phantom theo quy định tại Điều 102 và Điều 195 BLTTHS.

Việc hoạt động tại quán K3 theo bị cáo T khai được chị Luyện Thị T4, anh Hoàng Hữu D lập nhóm Z có đưa bị cáo vào nhóm nên tất cả công việc hoạt động, điều hành, quản lý của quán đều được thực hiện trên Zalo nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ điện thoại của T4, của D. Thậm chí khi thu giữ điện thoại của bị cáo Trần Văn T cơ quan điều tra không tiến hành kiểm tra, thu thập để làm rõ hoạt động, quản lý của quán, trên cơ sở đó để làm rõ hành vi của T4, D và T.

Hành vi của T4, D có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo T nên ngày 15/10/2021, ngày 11/7/2022, ngày 29/9/2022 và ngày 15/02/2022 đã được Toà án cấp sơ thẩm ra quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra làm rõ hành vi của T4, D có dấu hiệu của tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 256 BLHS nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn T và Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 298 BLTTHS quy định về giới hạn của việc xét xử nên Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, khi tạm giữ đối với Trần Văn T, Cơ quan điều tra đã không có tài liệu chứng minh việc thông báo về việc tạm giữ bị

can cho gia đình theo quy định tại Điều 116 BLTTHS dẫn đến gia đình bị cáo không biết được bị cáo T đang bị tạm giữ, tạm giam nên đã có nhiều đơn phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền về sự việc nêu trên.

Trong vụ án này bị cáo Trần Văn T bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y ngay khi lập biên bản kiểm tra. Việc bị cáo viết đơn ra đầu thú nhưng không được Cơ quan, tổ chức tiếp nhận người phạm tội đầu thú có trách nhiệm thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại Điều 152 BLTTHS.

[2.3]. Ngoài ra trong vụ án này chưa làm rõ hành vi của Giáp Thị X, sinh năm 1999, ở thôn T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là chủ tài khoản có cho em chồng là Nông Thị L, sinh năm 1999, ở cùng địa chỉ mượn chứng minh thư nhân dân để mở tài khoản, hiện L đang sử dụng số tài khoản này đã thực hiện việc giao dịch chuyển tiền để mua ma túy. Trong quá trình điều tra chưa làm rõ việc cho mượn giấy tờ để mở tài khoản X có biết không, có đồng ý không, ai là người đứng ra làm thủ tục mở tài khoản; việc chuyển tiền, việc giao dịch mua bán ma túy trên các bên đã thực hiện như thế nào để làm rõ hành vi của X, L có dấu hiệu đồng phạm về tội tổ chức sử dụng chất ma túy theo quy định tại Điều 255 hay không hay có dấu hiệu của tội tàng trữ, mua bán chất ma túy theo quy định tại Điều 249, Điều 251 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 3 Thông tư 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Bộ C2, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp cần làm rõ hành vi của chị Luyện Thị T4, anh Hoàng Hữu D và Trần Văn T có dấu hiệu phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” hay không, hay các đối tượng đóng vai trò gì đối với hành vi để cho nhóm của Trần Tuấn A tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm nêu trên nhằm xác định sự thật của vụ án được quy định tại Điều 15 BLTTHS.

Do đó, cần thiết phải điều tra để làm rõ hành vi, vai trò của các đối tượng và khắc phục các nội dung trên mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 BLTTHS, hủy một phần bản án sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của TAND huyện Yên Dũng đối với bị cáo Trần Văn T bị xét xử về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS, chuyển toàn bộ hồ sơ cho VKSND huyện Yên Dũng để điều tra lại.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 của BLTTHS.

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của TAND huyện Yên Dũng đối với bị cáo Trần Văn T bị xét xử về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS.

Chuyển hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang để điều tra lại.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu